

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc M; địa chỉ: 1 C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.*

2. *Bị đơn: Bà H và ông N; cùng địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 03-6-2021, bà H và ông N vay bà Võ Thị Ngọc M số tiền 70.000.000 đồng và hẹn trong hạn 01 tháng sẽ trả gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Đến nay, mặc dù bà M đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H và ông N vẫn chưa trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông N phải trả cho bà M số tiền còn nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 16-9-2024 là 92.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng và nợ lãi 22.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà H và ông N. Tuy nhiên, bà H và ông N không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại đơn trình bày đề ngày 28-8-2024, bà H trình bày:

Ngày 18-6-2021, bà H có vay tiền của bà Võ Thị Ngọc M; địa chỉ: số A C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, số tiền 300.000.000 đồng lý do để rút bìa đỏ để bà M vay Ngân hàng giúp bà H.

Mấy cái bìa đỏ do bà L, địa chỉ thị trấn Đ, huyện Đ đang cầm giữ. Ngày 18-6-2021, rút bìa bà K sang cho bà H là 100.000.000 đồng. Ngày 24-6-2021, rút bìa tên ông N và ông N1 là 200.000.000 đồng tổng cộng số tiền là 300.000.000 đồng.

Sau đó, bà H xin rút bìa của ông N1 từ bà M, rồi trả bà M 150.000.000 đồng gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi tổng cộng cả gốc và lãi là 180.000.000 đồng, trừ với tiền gốc 300.000.000 đồng thì còn lại 120.000.000 đồng.

Sau đó, bà H vay bà M 100.000.000 đồng để sang bìa ông T cho bà H1 như vậy thì hiện tại, bà H đang nợ bà M tổng số tiền 220.000.000 đồng.

Đối với số tiền vợ chồng bà H, ông N vay bà M 70.000.000 đồng là để dính chính mấy cái bìa đỏ để sang nhượng cho bà M vay Ngân hàng, hiện tại mấy cái bìa đỏ bà M đang giữ không vay được cho nên số tiền hai năm nợ trên là chúng tôi chưa trả được.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 16-9-2024 là 92.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn D, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét giao dịch giữa bà M với bị đơn bà H và ông N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 03-6-2021 thì bà H và ông N có vay bà M số tiền 70.000.000 đồng, giấy vay tiền này có chữ ký của bà H và ông N, thời hạn trả nợ là 01 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Như vậy, hợp đồng đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Sau khi vay, bà H, ông N không trả gốc và lãi như đã thỏa thuận nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi chậm trả là đúng theo quy định của pháp luật.

Về số tiền lãi: Bà M yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 22.000.000 đồng. Xét, tại Giấy mượn tiền trên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp này lãi suất được xác định bằng 10%/năm tương đương 0.83%/tháng. Bà H và ông N vay tiền từ ngày 03-6-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-9-2024), số tiền lãi của số tiền gốc 70.000.000 đồng, bà M tính tròn và yêu cầu 22.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, cụ thể là 5% giá trị tài sản có tranh chấp, tổng cộng là 4.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274; Điều 275; Điều 357; Điều 463; 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc M đối với bà H và ông N.

Buộc bà H và ông N phải trả cho bà Võ Thị Ngọc M số tiền nợ gốc và lãi là 92.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng và nợ lãi 22.000.000 đồng.

Kể từ ngày 17-9-2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà H và ông N phải nộp 4.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc M 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0010526 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Rmah HThuyên